

Số: ~~738~~ /TB-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO LỊCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu
Châu Âu, đợt thi ngày 03 tháng 6 năm 2018

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Chủ Nhật 03/6/2018	Sáng	- Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 70 phút - Nghe: 30 phút	7h00'
			02	Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)		
			03	Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)		
	Chiều	Nói	01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 (tầng 3, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	10h00'
				1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút	
				2. Phòng vấn đáp: Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian hội thoại: 8-10 phút	

Chú ý: Đúng 14h00' thứ Sáu ngày 01/6/2018 thí sinh có mặt tại văn phòng Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học để nhận Phiếu báo dự thi.

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT		THỜI GIAN		CHỦ TRÌ
		Sáng Chủ Nhật 03/6/2018	Chiều Chủ Nhật 03/6/2018	
1	Họp HĐKT phân công nhiệm vụ	6:45 - 7:00	13:30 - 13:35	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	7:00 - 7:15	13:35 - 13:40	Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	7:15 - 7:45	13:40 - 13:50	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	7:45 - 7:50	13:50 - 13:55	Cán bộ coi thi 1
5	Bốc, phát đề thi	7:50 - 8:00	13:55 - 14:00	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	8:00 (Đọc và Viết) 9:10 (Nghe)	14:00 (Phòng 02) 15:30 (Phòng 03)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	9:40	Ngày sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngày sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi		Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Thi kỹ năng nói tiếng Anh	Thí sinh phòng thi 10:15 (Phòng 01)		
10	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngày sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Ngày sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NÔNG-LÂM
BẮC GIANG

TS. Đoàn Văn Soạn

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 02 tháng 6 năm 2018

Phòng thi: 01

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	Bùi Thị Kiều Anh	TA01	20/12/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0054	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	Đặng Ngọc Anh	TA02	09/07/1996	Nam Định	Nam	D-KHCT4A	14DKHCT0028	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	Đinh Văn Tuấn Anh	TA03	16/01/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0097	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	Nguyễn Đức Anh	TA04	21/12/1996	Hà Nội	Nam	D-CNSH5A	15DCNSH0032	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	Tạ Thị Phương Anh	TA05	20/08/1998	Bắc Giang	Nữ	C-THUY17A	16CTY0056	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	Vũ Tú Anh	TA06	15/07/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0055	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	Hoàng Văn Ánh	TA07	06/10/1995	Lạng Sơn	Nam	D-THUY4C	14DTY0220	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TA08	03/10/1998	Bắc Giang	Nam	D-CNTP6A	16DCNTP0133	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	Phan Quang Bằng	TA09	29/02/1996	Hưng Yên	Nam	D-THUY4C	14DTY0221	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	Đoàn Đắc Cảnh	TA10	24/01/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD6A	14DQLDD0444	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	Giàng Mí Cho	TA11	12/01/1996	Hà Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0060	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	Thân Thành Công	TA12	18/06/1996	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0269	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	Vũ Hải Cường	TA13	29/08/1993	Hải Phòng	Nam	C-THUY17A	16CTY0099	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	Nguyễn Thị Thanh Dung	TA14	10/26/1996	Ninh Bình	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0273	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	Nguyễn Văn Dũng	TA15	27/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4B	14DTY0183	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	Trần Quốc Đạt	TA16	02/03/1993	Bắc Giang	Nam	D-CNTP4A	14DCNTP0073	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	Nguyễn Văn Đoan	TA17	20/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0079	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	Dương Anh Đức	TA18	13/09/1997	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0271	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	Lê Ngọc Đức	TA19	05/03/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0066	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	Nguyễn Thị Hà	TA20	09/09/1995	Thái Bình	Nữ	D-THUY4B	14DTY0187	07h00'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 20 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy Khoa Kinh tế - Tài chính, Tầng 3, Nhà B1)

Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 02 tháng 6 năm 2018

Phòng thi: 02

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	Nguyễn Thị Hải	TA21	10/11/1996	Hải Dương	Nam	D-THUY4B	14DTY0188	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	Phạm Quang Hạnh	TA22	29/09/1998	Ninh Bình	Nam	C-THUY17A	16CTY0068	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	Thân Thị Hồng Hiền	TA23	10/04/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0279	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	Hoàng Thị Thu Hiền	TA24	26/04/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0337	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	Nguyễn Xuân Hiệp	TA25	20/11/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0070	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	Hoàng Thị Hoa	TA26	16/05/1998	Bắc Ninh	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0135	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	Nông Dương Hoan	TA27	22/02/1998	Bắc Kạn	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0447	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	Dương Văn Hoàng	TA28	23/04/1997	Hải Phòng	Nam	C-THUY17A	16CTY007	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	Nguyễn Danh Hoàng	TA29	14/12/1996	Bắc Giang	Nam	D-QLTN4A	14DQLTN0182	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	Mai Thị Huệ	TA30	20/06/1998	Thanh Hoá	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0136	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	Nguyễn Thị Huệ	TA31	23/12/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0288	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	Hoàng Văn Hùng	TA32	26/09/1998	Thái Nguyên	Nam	C-THUY17A	16CTY0075	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	Vũ Phi Hùng	TA33	13/08/1998	Vĩnh Phúc	Nam	C-THUY17A	16CTY0073	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	Nguyễn Thị Huyền	TA34	17/03/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0290	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	Phạm Văn Khả	TA35	02/05/1989	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0077	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	Trương Thị Khánh	TA36	11/12/1998	Bắc Giang	Nữ	C-THUY17A	16CTY0078	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	Nguyễn Thị Lan	TA37	11/02/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0292	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	Nguyễn Thị Linh	TA38	11/06/1996	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0348	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	Đặng Hoàng Long	TA39	17/10/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4B	14DTY0196	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	Đặng Thanh Mai	TA40	20/11/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4B	14DTY0197	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	Khổng Thị Nguyệt Minh	TA41	09/02/1995	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0299	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
22	Nguyễn Thị Nhân	TA42	16/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0140	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
23	Lê Thị Nhung	TA43	19/03/1997	Thanh Hoá	Nữ	D-THUY5A	15DTY0313	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
24	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TA44	20/10/1996	Quảng Ninh	Nữ	D-CNSH5A	15DCNSH0036	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
25	Nguyễn Trọng Phú	TA45	05/05/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0080	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
26	Nguyễn Phùng Chi Phương	TA46	16/11/1997	Tuyên Quang	Nam	D-CNSH5A	15DCNSH0037	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
27	Nguyễn Thị Thu Phương	TA47	08/03/1997	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0141	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
28	Nguyễn Thu Phương	TA48	06/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0358	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
29	Nguyễn Văn Quang	TA49	19/02/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0083	07h00'	PMNNTH01	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 29 thí sinh./.

Chú thích: PMNNTH01 (Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Tầng 2, Nhà B1)

PMKTTC (Phòng máy Khoa Kinh tế - Tài chính, Tầng 3, Nhà B1)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 02 tháng 6 năm 2018

Phòng thi: 03

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	Nguyễn Thị Quyên	TA50	20/06/1997	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP5A	15DCNTP0123	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	Trần Văn Quyết	TA51	17/10/1995	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0308	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	Bùi Thị Như Quỳnh	TA52	05/11/1997	Hưng Yên	Nữ	D-THUY5A	15DTY0309	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	Nguyễn Thị Quỳnh	TA53	12/01/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0309	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	Nguyễn Thị Quỳnh	TA54	18/08/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0308	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	Nguyễn Hà Sơn	TA55	20/10/1995	Bắc Ninh	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0368	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	Nguyễn Văn Sơn	TA56	4/14/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0311	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	Cao Hữu Tài	TA57	08/07/1997	Hải Phòng	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0099	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	Nguyễn Thị Thanh Tâm	TA58	17/01/1997	Hoà Bình	Nữ	C-THUY17A	16CTY0084	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	La Văn Thạch	TA59	14/03/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0085	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	Chu Văn Thái	TA60	17/10/1996	Bắc Giang	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0430	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	Đào Quốc Thân	TA61	29/09/1992	Ninh Bình	Nam	C-THUY17A	16CTY0086	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	Giáp Thị Lệ Thoa	TA62	09/04/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0362	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	Lăng Minh Thuận	TA63	13/05/1996	Lạng Sơn	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0433	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	Trần Thị Thủy	TA64	17/01/1996	Hưng Yên	Nữ	D-THUY4B	14DTY0213	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	Nguyễn Thị Thủy	TA65	17/10/1997	Bắc Giang	Nữ	C-THUY17A	16CTY0090	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	Lê Văn Thụy	TA66	20/09/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0091	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	Nguyễn Văn Thức	TA67	13/03/1995	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0089	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	Nguyễn Thị Hoài Thương	TA68	15/03/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0363	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	Nông Văn Toàn	TA69	13/07/1996	Lạng Sơn	Nam	D-THUY4B	14DTY0216	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	Hoàng Đình Trọng	TA70	09/03/1995	Lạng Sơn	Nam	C-THUY17A	16CTY0093	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
22	Lê Văn Tuấn	TA71	21/01/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0095	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
23	Nguyễn Sơn Tùng	TA72	24/02/1996	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0320	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
24	Đỗ Thị Tuyết	TA73	27/10/1996	Bắc Ninh	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0322	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
25	Lê Đình Việt	TA74	03/01/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0097	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
26	Hà Văn Vĩnh	TA75	25/12/1998	Thái Nguyên	Nam	C-THUY17A	16CTY0098	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
27	Nguyễn Thị Hải Yến	TA76	18/07/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0324	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
28	Trịnh Hải Yến	TA77	29/03/1997	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP5A	15DCNTP0128	07h00'	PMNNTH02	13h30'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 28 thí sinh./.

Chú thích : PMNNTH02 (Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Tầng 2, Nhà B1)

PMKTTC (Phòng máy Khoa Kinh tế - Tài chính, Tầng 3, Nhà B1)